

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **173/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 05/5/2020

*V/v tranh chấp “Ly hôn”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Châu Vũ Bình**;

2. Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: không tham gia phiên tòa.**

Ngày 05 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 633/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Mỹ A**, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện N, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Hoàng B**, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện N, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI A VỤ ÁN:**

\* Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ A trình bày: Chị và anh B tìm hiểu và tự nguyện cưới nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, huyện Xuyên Lộc, Tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 124 ngày 30/5/2008. Quá trình anh chị sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, thường xuyên về gây gổ, cự cãi. Nay chị nhận thấy hôn nhân không thể kéo dài, không còn khả năng hàn gắn, tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

\* Đối với bị đơn anh Nguyễn Hoàng B từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng anh B vẫn vắng mặt không rõ lý do và không trình bày ý kiến của mình.

\* Tại phiên tòa, chị A vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hoàng B. Về con chung: Không có. Về tài sản chung và nợ chung: chị A trình bày không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mỹ A về việc tranh chấp “ly hôn” với anh Nguyễn Hoàng B có hộ khẩu thường trú tại ấp Ấp C, xã D, huyện N, tỉnh Tiền Giang thuộc trường hợp được qui định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N.

[2] Về hôn nhân: Qua lời trình bày của chị Nguyễn Thị Mỹ A và anh Nguyễn Hoàng B, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị A và anh B tự nguyện cưới nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, huyện Xuyên Lộc, Tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 124 ngày 30/5/2008. Quá trình anh chị sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, thường xuyên về gây gỗ, cự cãi, sống ly thân khoảng hơn 01 năm. Nay chị nhận thấy hôn nhân không thể kéo dài, không còn khả năng hàn gắn, tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần B tập anh B nhưng anh vẫn không đến tham dự phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A, điều đó chứng tỏ anh B không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B và chị A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị A là phù hợp với qui định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Đối với anh Nguyễn Hoàng B Tòa án đã B tập hợp lệ nhưng anh vẫn vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh B.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ A.

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ A được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng B.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0003218 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Anh Nguyễn Hoàng B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

-TAND Tỉnh TG;

-VKSNDHCG-TG

-Chi cục THADSHCG;

-Những người tham gia tố tụng;

-Lưu.

**Nguyễn Thị Ánh Hồng**